Số: 47/2026/TT-BNNMT
Thời gian ký: 2026-10-30T16:39:55+07:00

Phụ lục VI

DANH MỤC LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
A. Vi sinh vật		
1	Nấm gây bệnh thối rễ	*Phytophthora cinnamomi*
2	Vi khuẩn gây bệnh dịch hạch ở chuột và động vật	*Yersinia pestis*
3	Vi-rút gây bệnh chùn ngọn chuối	*Banana bunchy top virus*
B. Động vật		
1	Bọ cánh cứng hại lá dừa	*Brontispa longissima*
2	Cá ăn muỗi	*Gambusia affinis*
3	Cá hổ	*Pygocentrus nattereri*
4	Cá hồi nâu	*Salmo trutta*
5	Cá rô phi đen	*Oreochromis mossambicus*
6	Cá tỳ bà bé (cá dọn bể bé)	*Hypostomus plecostomus*
7	Cá tỳ bà lớn (cá dọn bể lớn)	*Pterygoplichthys pardalis* *Pterygoplichthys multiradiatus* *Pterygoplichthys disjunctivus* *Pterygoplichthys anisitsi*
8	Cá vược miệng bé	*Micropterus dolomieu*
9	Cá vược miệng rộng	*Micropterus salmoides*
10	Cá vược sông Nile	*Lates niloticus*
11	Chồn ecmin	*Mustela erminea*
12	Cóc mía	*Bufo marinus*
13	Cua xanh (cua ven bờ châu Âu)	*Carcinus maenas*
14	Ếch Ca-ri-bê	*Eleutherodactylus coqui*
15	Ếch ương beo	*Rana catesbeiana*
16	Giáp xác râu ngành pengoi	*Cercopagis pengoi*
17	Hải ly Nam Mỹ	*Myocastor coypus*
18	Kiến Ac-hen-ti-na	*Linepithema humile*
19	Kiến đầu to	*Pheidole megacephala*

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
20	Kiến lửa đỏ nhập khẩu (kiến lửa đỏ)	*Solenopsis invicta*
21	Ốc bươu vàng	*Pomacea canaliculata*
22	Ốc sên châu Phi	*Achatina fulica*
23	Rắn nâu leo cây	*Boiga irregularis*
24	Rùa tai đỏ	*Trachemys scripta*
25	Sán ốc sên	*Platydemus manokwari*
26	Sao biển Bắc Thái Bình Dương	*Asterias amurensis*
27	Sên sói tía	*Euglandina rosea*
28	Sóc nâu, sóc xám	*Sciurus carolinensis*
29	Sứa lược Leidyi	*Mnemiopsis leidyi*
30	Thú opốt	*Trichosurus vulpecula*
31	Tôm càng đỏ	*Cherax quadricarinatus*
32	Tôm hùm nước ngọt	*Procambarus clarkii*
33	Trai Địa Trung Hải	*Mytilus galloprovincialis*
34	Trai Trung Hoa	*Potamocorbula amurensis*
35	Trai vằn	*Dreissena polymorpha*
36	Xén tóc hại gỗ châu Á	*Anoplophora glabripennis*
C. Thực vật		
1	Bèo tai chuột lớn	*Salvinia molesta*
2	Bèo tây (bèo Lục bình, bèo Nhật Bản)	*Eichhornia crassipes*
3	Cây chân châu tía	*Lythrum salicaria*
4	Cây cúc bò (cúc xuyến chi)	*Sphagneticola trilobata*
5	Cây cúc leo	*Mikania micrantha*
6	Cây cứt lợn (cỏ cứt heo)	*Ageratum conyzoides*
7	Cây đương Prosopis	*Prosopis glandulosa*
8	Cây hoa Tulip châu Phi (cây Uất kim hương châu Phi)	*Spathodea campanulata*
9	Cây kim tước	*Ulex europaeus*
10	Cây lược vàng	*Callisia fragrans*
11	Cây Micona	*Miconia calvescens*
12	Cây ngũ sắc (bông ổi)	*Lantana camara*
13	Cây thánh liễu	*Tamarix ramosissima*

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
14	Cây xương rồng đất	*Opuntia stricta*
15	Chút chít nhật	*Fallopia japonica*
16	Cỏ đuôi chồn	*Pennisetum setaceum (syn. Cenchrus setaceus)*
17	Cỏ echin	*Cenchrus echinatus*
18	Cỏ kê Guinea	*Urochloa maxima*
19	Cỏ kê Para	*Urochloa mutica*
20	Cỏ lào	*Chromolaena odorata*
21	Cỏ lào đỏ	*Ageratina adenophora* (*Eupatorium adenophorum*)
22	Cỏ nước lợ	*Paspalum vaginatum*
23	Cúc liên chi	*Parthenium hysterophorus*
24	Dầu mè tía	*Jatropha gossypiifolia L.*
25	Gừng dại (ngải tiên dại)	*Hedychium gardnerianum*
26	Rong lá ngò	*Cabomba caroliniana*
27	Trinh nữ móc	*Mimosa diplotricha*
28	Trinh nữ thân gỗ (mai dương)	*Mimosa pigra*